

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	17
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	19
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	21
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	23
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	12	25
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	14	27



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

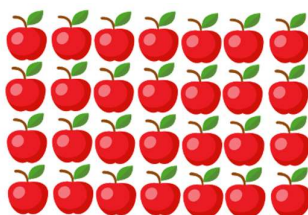
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Quan sát hình sau và cho biết $\frac{1}{7}$ số táo là bao nhiêu quả?



- A. 3 quả. B. 4 quả. C. 5 quả. D. 6 quả.

Câu 2. Số đo dung tích nào dưới đây là lớn nhất?

- A. 950ml. B. 500ml. C. 1l. D. 999ml.

Câu 3. Thương của số lớn nhất có ba chữ số và 3 là:

- A. 300. B. 66. C. 33. D. 333.

Câu 4. Hùng và Tú, mỗi bạn mua 10 viên bi xanh và 5 viên bi đỏ. Hỏi cả hai bạn mua tất cả bao nhiêu viên bi?

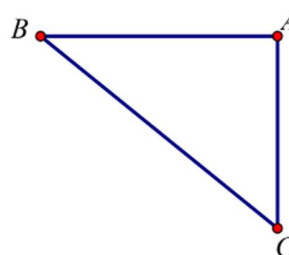
- A. 10 viên bi. B. 15 viên bi. C. 20 viên bi. D. 30 viên bi.

Câu 5. Đàn gà nhà Hoa có 54 con gà mái, số gà trống bằng số gà mái giảm đi 6 lần. Hỏi trong đàn gà nhà Hoa có bao nhiêu con gà trống?

- A. 4 con. B. 7 con. C. 9 con. D. 8 con.

Câu 6. Trong hình bên, góc nào là góc vuông?

- A. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC.
B. Góc đỉnh C; cạnh CA, CB.
C. Góc đỉnh A; cạnh AB, AC.
D. Cả A và B đều đúng.



Câu 7. 36 học sinh xếp được thành 4 hàng. Vậy 126 học sinh sẽ xếp được số hàng như thế là:

- A. 14 hàng. B. 15 hàng. C. 16 hàng. D. 17 hàng.

Câu 8. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 12m, chiều rộng là 7m. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu mét hàng rào, biết bác để lối đi rộng 2m?



A. 40m.

B. 36m.

C. 38m.

D. 34m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Thực hiện phép tính:

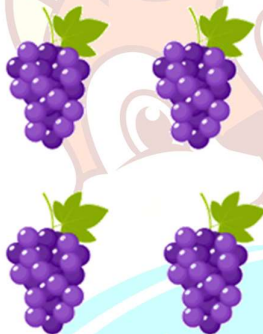
a) $123 \times (42 - 40) + 25.$

b) $219 + 510 : 5.$

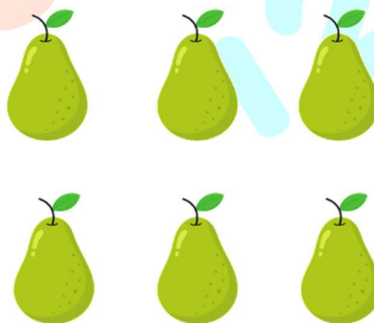
c) $231 \times 3 - 148.$

Bài 2.

a) Khoanh vào $\frac{1}{2}$ số chùm nho:



b) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả lê:



Bài 3. Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 101 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Bài 4. Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Giá trị của biểu thức $645 - 62 \times 7$ là:

A. 583

B. 211

C. 434

D. 638

Câu 2. Quan sát hình sau và cho biết $\frac{1}{6}$ số cốc trà sữa là bao nhiêu cốc?



A. 4 cốc

B. 6 cốc

C. 30 cốc

D. 144 cốc

Câu 3. Mẹ năm nay 36 tuổi, tuổi của mẹ gấp 6 lần tuổi con. Hỏi sau 8 năm nữa, con bao nhiêu tuổi?

A. 6 tuổi

B. 14 tuổi

C. 12 tuổi

D. 8 tuổi

Câu 4. Các số cần điền vào ô trống lần lượt từ trái qua phải là:



A. 40; 8

B. 30; 10

C. 30; 5

D. 40; 10

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$1 \text{ kg} - 239 \text{ g} = \boxed{} \text{ g}$$

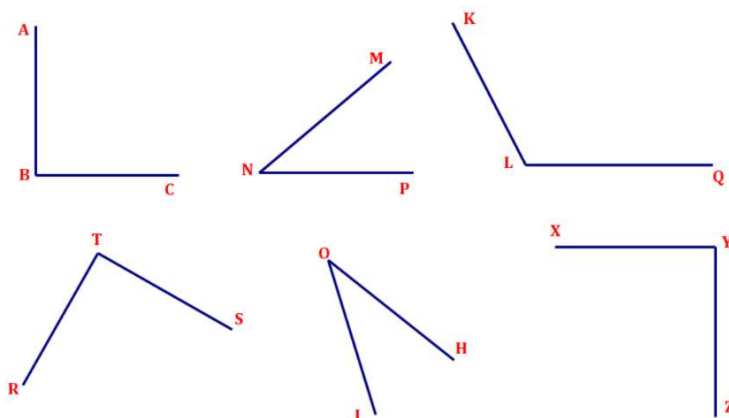
Câu 6. Trong hình vẽ bên, có bao nhiêu góc vuông?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Câu 7. Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào chỗ chấm:

$$8 \text{ cm} + 798 \text{ mm} - 123 \text{ mm} \dots\dots\dots 9 \text{ cm} - 45 \text{ mm} + 903 \text{ mm}$$

Câu 8. Trong công viên có hai vườn hoa. Vườn hoa thứ nhất trồng 12 luống hoa. Ở vườn hoa thứ hai, nếu trồng thêm 4 luống hoa nữa thì số luống hoa của vườn này sẽ gấp ba lần số luống ở vườn thứ nhất. Hỏi cả hai vườn hoa hiện có bao nhiêu luống hoa?

A. 36

B. 48

C. 40

D. 44

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

$$1\,000 - 509$$

$$799 - 50 \times 3$$

$$120 \times 3 + 289$$

$$239 + 252$$

$$537 - 680 : 8$$

$$714 : 7 + 350$$

Bài 2. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng 20m . Tính chu vi mảnh đất đó.

Bài 3. Hai thùng nước có tổng cộng 12 lít nước. Biết thùng thứ nhất đựng 3 lít nước. Hỏi lượng nước trong thùng thứ hai gấp mấy lần lượng nước thùng thứ nhất?

Bài 4. Điền số hạng tiếp theo của dãy số sau:

6; 24; 60; 120; 210;

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

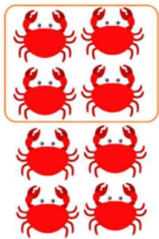
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

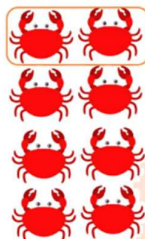
Câu 1. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số đó là:

- A. 101. B. 135. C. 67. D. 91.

Câu 2. Đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con cua của hình nào dưới đây?



A.



B.



C.

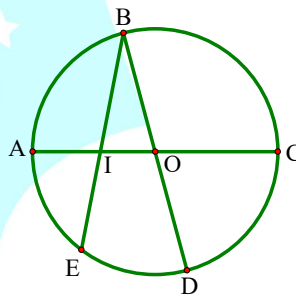


D.

Câu 3. Em có 15 viên bi, em chia cho mỗi bạn 2 viên bi. Sau khi chia xong có mấy bạn được chia bi và còn dư mấy viên bi?

- A. 8 bạn được chia bi và dư 1 viên. B. 8 bạn được chia bi và không dư.
C. 7 bạn được chia bi và không dư. D. 7 bạn được chia bi và dư 1 viên.

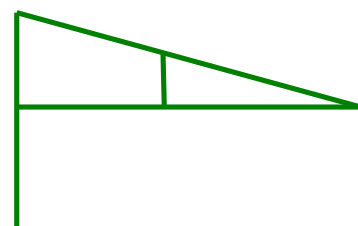
Câu 4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Các đường kính của hình tròn tâm O có trong hình vẽ trên là:

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có góc vuông.



Câu 6. Giá trị của biểu thức $125 + 345 : 5$ là:

- A. 194. B. 195. C. 94. D. 95.

Câu 7. Trong đợt kế hoạch nhỏ, lớp 3A thu được 21kg giấy vụn, lớp 3B thu được số giấy vụn gấp 3 lần số giấy vụn của lớp 3A. Hỏi cả hai lớp thu được bao nhiêu ki-lô-gam giấy vụn?

- A. 63kg. B. 84kg. C. 48kg. D. 42kg.

Câu 8. Cửa hàng có 78kg gạo, buổi sáng cửa hàng bán được 15kg gạo. Số gạo còn lại được chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 6kg. B. 8kg. C. 7kg. D. 10kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $42 \text{ ml} : 2 + 348 \text{ ml} = \dots\dots\dots \text{ ml}.$

b) $1 \text{ m} - 63 \text{ mm} : 7 = \dots\dots\dots \text{ mm}.$

c) $78 \text{ g} - 125 \text{ g} : 5 = \dots\dots\dots \text{ g}.$

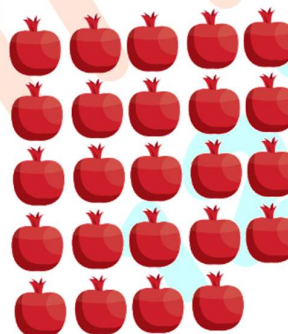
d) $52 \text{ cm} + 48 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ m}.$

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$\frac{1}{3}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{8}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{6}$ số quả lựu là quả.



Bài 3. Một tổ công nhân buổi sáng sửa được 96m đường, buổi chiều do trời nắng nên sửa được số mét đường giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi cả ngày tổ công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài 4. Tìm số lớn nhất có ba chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. $\frac{1}{4}$ số con gấu bông có trong hình dưới đây là bao nhiêu?



A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Giá trị của biểu thức $103 \times 7 - 408 : 6$ là:

Câu 3. Số cần điền vào hình ngôi sao là:



A. 990

B. 984

C. 198

D. 165

Câu 4. Một lọ hoa chứa được nhiều nhất 5 bông hoa. Nếu có 103 bông hoa thì cần ít nhất bao nhiêu lọ hoa như thế?



A. 19

B. 20

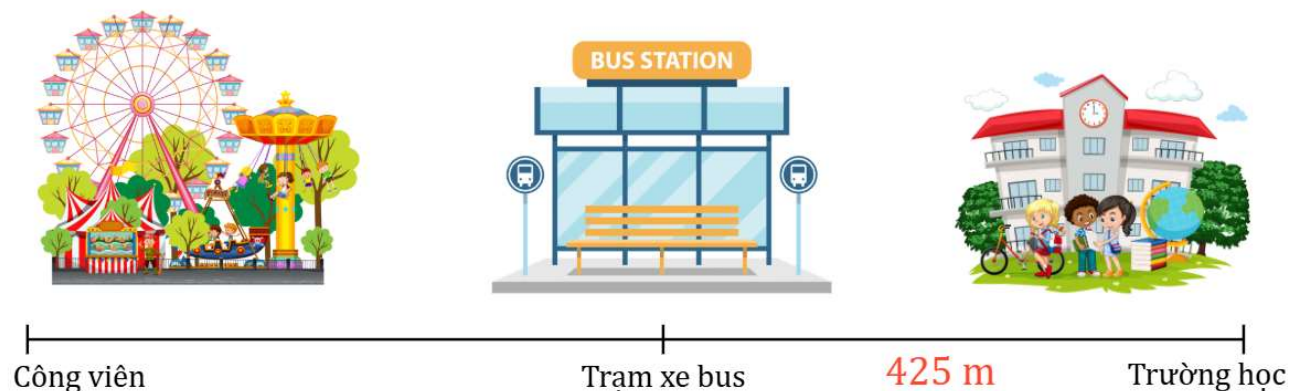
C. 21

D. 22

Câu 5. Một cửa hàng có 165 kg đường. Buổi sáng bán được 45 kg đường, buổi chiều bán $\frac{1}{6}$ số ki-lô-gam đường còn lại. Hỏi cửa hàng đã bán tất cả bao nhiêu ki-lô-gam đường?

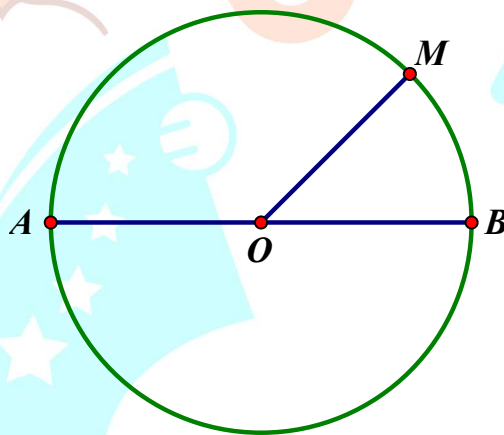
- A. 120kg B. 20kg C. 720kg D. 65kg

Câu 6. Tính khoảng cách từ công viên đến trường học, biết trạm xe bus ở chính giữa công viên và trường học.



- A. 425 m B. 850 m C. 900 m D. 212 m

Câu 7. Điền chữ Đ hoặc S vào ô vuông:



- a. Độ dài đoạn thẳng OM dài hơn độ dài đoạn thẳng AB ☐
- b. Độ dài đoạn thẳng OM bằng độ dài đoạn thẳng OA và OB. ☐
- c. Độ dài đoạn thẳng AB gấp 2 lần độ dài đoạn thẳng OA. ☐
- d. Độ dài đoạn thẳng OB gấp 2 lần độ dài đoạn thẳng OM. ☐

Câu 8. Nhân dịp 20/11, bạn An gấp được 64 bông hoa, số bông hoa bạn Linh gấp được gấp 6 lần số bông hoa bạn An gấp. Hỏi 2 bạn đã gấp được bao nhiêu bông hoa?

- A. 448 bông hoa B. 384 bông hoa C. 320 bông hoa D. 134 bông hoa

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $307 \times (42 - 39) + 79$

b) $450 : 5 + 123 \times 6$

c) $893 - 78 \times 8 + 801 : 9$

Bài 2. Điền dấu “>, <, =” vào chỗ chấm:

a) $483 \text{ ml} + 397 \text{ ml} \dots\dots\dots 1 \text{ l.}$

b) $45 \text{ mm} + 78 \text{ cm} \dots\dots\dots 92 \text{ cm} - 547 \text{ mm}$

c) $42 \text{ g} + 789 \text{ g} - 34 \text{ g} \dots\dots\dots 1 \text{ kg} - 239 \text{ g}$

Bài 3. Một thư viện có 888 quyển sách, người ta mang đi quyên góp 360 quyển sách. Số sách còn lại được chia đều vào 8 kệ sách. Hỏi mỗi kệ sách có bao nhiêu quyển sách?

Bài 4. Một đoàn tàu có 4 toa với 4 màu khác nhau: Đỏ, Xanh, Trắng, Vàng. Toa tàu màu Xanh không phải toa đầu và cũng không phải toa cuối. Toa tàu màu Vàng không đứng cạnh toa màu Trắng và toa màu Đỏ. Toa tàu đầu tiên màu Trắng. Hãy tìm thứ tự các toa tàu?

Trả lời:



ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

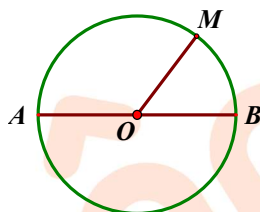
Câu 1. Một phép trừ có số trừ là 355 và hiệu là 55. Số bị trừ là:

- A. 300. B. 410. C. 310. D. 420.

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$$12\text{mm} + \dots\dots\dots\text{mm} = 2\text{cm}.$$

Câu 3. Tất cả các bán kính có trong hình tròn dưới đây là:



- A. OA, OB, OM. B. AB. C. OM. D. OA, OB.

Câu 4. $\frac{1}{2}$ số chùm nho dưới đây thêm 2 chùm nho nữa thì được mấy chùm nho?

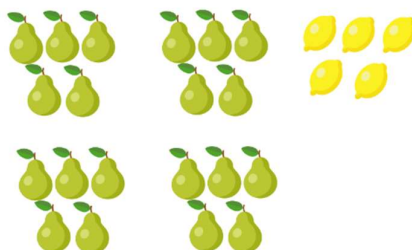


- A. 14 chùm. B. 6 chùm. C. 9 chùm. D. 5 chùm.

Câu 5. Giá trị của biểu thức $132 \times 2 - 78$ là:

- A. 342. B. 168. C. 264. D. 186.

Câu 6. Hình dưới đây có số quả lê gấp mấy lần số quả chanh?



- A. 3 lần. B. 5 lần. C. 2 lần. D. 4 lần.

Câu 7. Thùng thứ nhất đựng 78 lít sữa. Thùng thứ hai đựng ít hơn thùng thứ nhất 9 lít sữa nhưng nhiều hơn thùng thứ ba 7 lít. Hỏi cả ba thùng đựng bao nhiêu lít sữa?

- A. 109 lít. B. 209 lít. C. 218 lít. D. 216 lít.

Câu 8. Một cửa hàng buổi sáng bán được 70 chiếc xe, số chiếc xe bán được trong buổi chiều nhiều gấp 3 lần so với buổi sáng. Hỏi trong hai buổi đó, cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe?

- A. 280 chiếc. B. 210 chiếc. C. 208 chiếc. D. 201 chiếc.

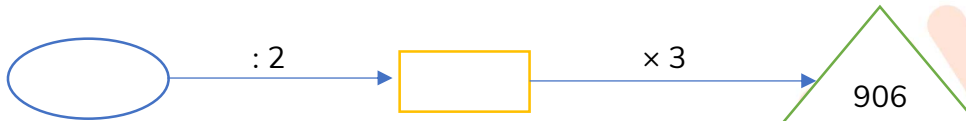
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a)



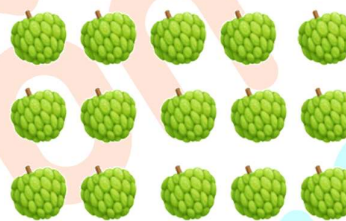
b)



Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{3}$ số quả na là quả.

b) $\frac{1}{5}$ số quả na là quả.



Bài 3. Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

a) Chiếc xe đó cần vận chuyển bao nhiêu chuyến để chở hết 105 thùng hàng?

b) Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 100kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?



Bài 4. Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Sóc lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng bao nhiêu?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Tìm số mà quả bơ đang che mất.

$$987 : 7 - 41 = \text{quả bơ}$$

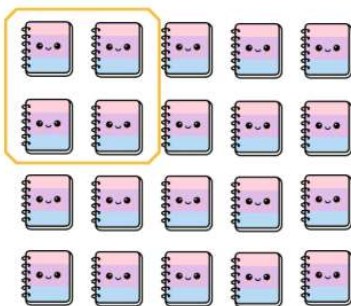
A. 99

B. 200

C. 100

D. 345

Câu 2. Đã khoanh vào một phần mấy số quyển vở trong hình dưới đây?



A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{3}$

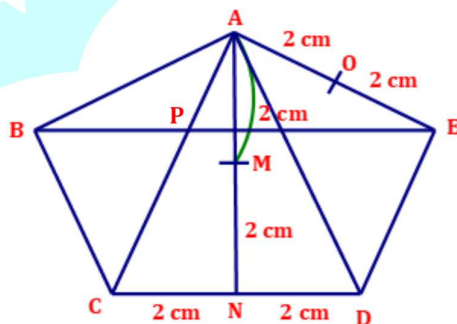
C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{1}{5}$

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1 \text{ kg} - \dots\dots\dots \text{ g} = 345 \text{ g}$$

Câu 4. Khẳng định nào sau đây là SAI?



A. Trung điểm của đoạn thẳng AE là O

B. Trung điểm của đoạn thẳng AN là M

C. Trung điểm của đoạn thẳng CD là N

D. Trung điểm của đoạn thẳng AC là P

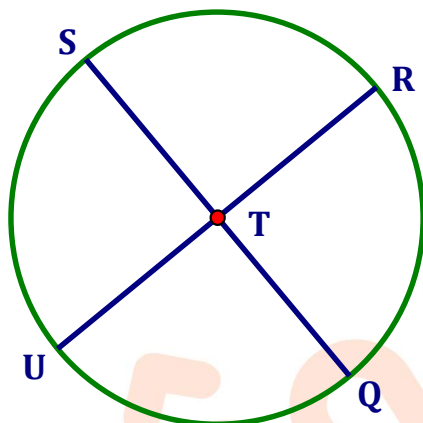
Câu 5. Ngày thứ nhất nhà máy sản xuất được 936 bánh mì, số bánh mì ngày thứ hai giảm 6 lần so với ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai sản xuất được ít hơn ngày thứ nhất bao nhiêu bánh mì?

- A. 156 bánh mì B. 780 bánh mì C. 239 bánh mì D. 543 bánh mì

Câu 6. Bây giờ 5 giờ 25 phút. Hỏi sau 6 tiếng nữa, đồng hồ chỉ lúc mấy giờ?

- A. 11 giờ 25 phút B. 10 giờ 25 phút
C. 11 giờ 30 phút D. 10 giờ 30 phút

Câu 7. Điền Đ hoặc S vào chỗ trống:



Bán kính của hình tròn trên là: TU; TQ; TR và TS. ☐

Câu 8. Cô giáo có 9 thùng sách, mỗi thùng có 45 quyển sách. Cô quyên góp cho nhà trường 2 thùng sách. Hỏi sau đó, cô còn bao nhiêu quyển sách?

- A. 315 quyển sách B. 90 quyển sách
C. 405 quyển sách D. 495 quyển sách

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Thực hiện phép tính:

- a) $235 + 128 - 90$ b) $200 + 15 \times 4 - 50$
c) $500 - 120 : 6$ d) $90 \times 4 - 200 + 50$

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 48 kg gấp 6 kg số lần là: lần. b) 540 g gấp 9 g số lần là: lần.
c) 72 ml gấp 8 ml số lần là: lần. d) 250 mm gấp 5 mm số lần là: lần.

Bài 3. Một cửa hàng bán được 20 cái quạt trong hai buổi. Buổi sáng bán được $\frac{1}{4}$ số quạt. Hỏi số quạt buổi chiều bán được gấp mấy lần số quạt buổi sáng bán?

Bài 4. Lan ra vườn hái 10 bông hoa gồm hoa hồng và hoa cúc. Biết số bông hoa hồng nhiều hơn số bông hoa cúc. Lan cắm vào lọ 5 bông hoa. Hỏi có thể nói chắc chắn rằng trong 5 bông hoa đó có ít nhất một bông hoa hồng hay không?

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	D	C	C	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $123 \times (42 - 40) + 25$.

b) $219 + 510 : 5$.

c) $231 \times 3 - 148$.

Lời giải

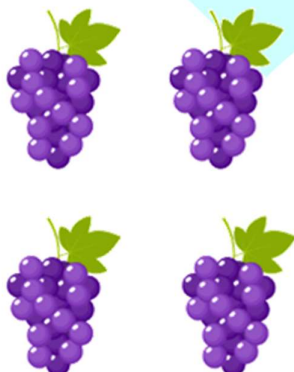
a) $123 \times (42 - 40) + 25 = 123 \times 2 + 25 = 246 + 25 = 271$.

b) $219 + 510 : 5 = 219 + 102 = 321$.

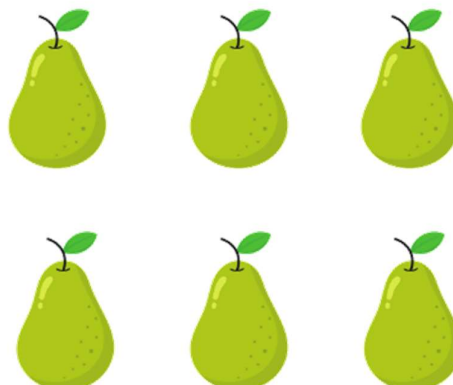
c) $231 \times 3 - 148 = 693 - 148 = 545$.

Bài 2 (1,5 điểm).

a) Khoanh vào $\frac{1}{2}$ số chùm nho

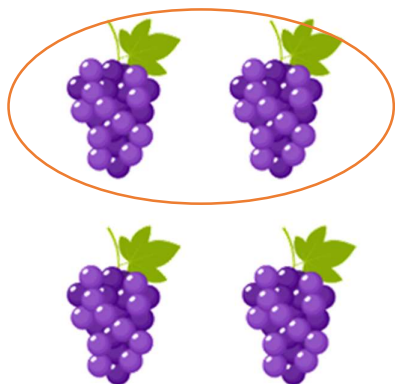


b) Khoanh vào $\frac{1}{6}$ số quả lê

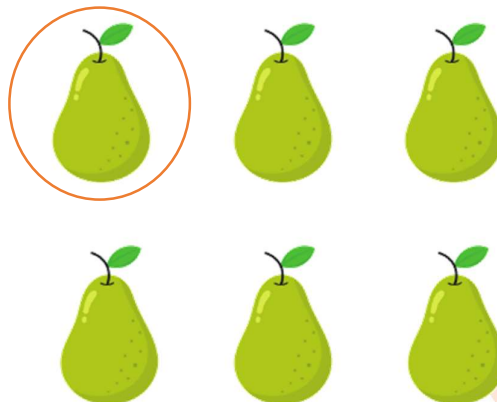


Lời giải

a)



b)



Bài 3 (2 điểm). Người ta chia khu vườn ươm cây thành 2 lô đất, mỗi lô đất có 4 hàng, mỗi hàng trồng được 101 cây con. Hỏi khu vườn đó trồng được bao nhiêu cây con?

Lời giải

Mỗi lô đất trồng được số cây con là: $101 \times 4 = 404$ (cây).

Khu vườn đó trồng được số cây con là: $404 \times 2 = 808$ (cây).

Đáp số: 808 cây con.

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm số có ba chữ số, biết chữ số hàng trăm và hàng đơn vị gấp kém nhau 4 lần và chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số đó là: **194**.

(Vì chữ số hàng chục hơn chữ số hàng trăm là 8 nên chữ số hàng trăm là 0 hoặc 1, mà chữ số hàng trăm khác 0 nên chữ số hàng trăm là 1.

Do đó, chữ số hàng chục là: $1 + 8 = 9$.

Chữ số hàng đơn vị là: $1 \times 4 = 4$.

Vậy số đó là: **194**.)

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	B	D	761	C	<	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

Lời giải

$1\ 000 - 509$ $799 - 50 \times 3$
 $120 \times 3 + 289$ $239 + 252$
 $537 - 680 : 8$ $714 : 7 + 350$

Bài 2. (1,5 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng 20m . Tính chu vi mảnh đất đó.

Lời giải

Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(35 + 20) \times 2 = 110 \text{ (m)}$$

Đáp số: 110m.

Bài 3. (2 điểm) Hai thùng nước có tổng cộng 12 lít nước. Biết thùng thứ nhất đựng 3 lít nước. Hỏi lượng nước trong thùng thứ hai gấp mấy lần lượng nước thùng thứ nhất?

Lời giải

Thùng thứ hai đựng số lít nước là:

$$12 - 3 = 9 \text{ (lít)}$$

Lượng nước trong thùng thứ hai gấp lượng nước trong thùng thứ nhất số lần là:

$$9 : 3 = 3 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 3 lần.

Bài 4. (0,5 điểm). Điền số hạng tiếp theo của dãy số sau:

6; 24; 60; 120; 210;.....

Trả lời:

Trả lời: Số hạng cần điền là: **336**

Lời giải

$$6 = 1 \times 2 \times 3$$

$$24 = 2 \times 3 \times 4$$

$$60 = 3 \times 4 \times 5$$

$$120 = 4 \times 5 \times 6$$

$$210 = 5 \times 6 \times 7$$

$$\text{Số cần tìm là: } 6 \times 7 \times 8 = \mathbf{336}.$$

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	D	AC; BD	7	A	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $42 \text{ ml} : 2 + 348 \text{ ml} = \dots\dots\dots \text{ ml}$.

b) $1\text{m} - 63\text{mm} : 7 = \dots\dots\dots\text{mm}$.

c) $78\text{g} - 125\text{g} : 5 = \dots\dots\dots\text{g}$.

d) $52\text{cm} + 48\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$.

Lời giải

a) $42 \text{ ml} : 2 + 348 \text{ ml} = 21 \text{ ml} + 348 \text{ ml} = 369 \text{ ml}$.

b) $1\text{m} - 63\text{mm} : 7 = 1000\text{mm} - 9\text{mm} = 991\text{mm}$.

c) $78\text{g} - 125\text{g} : 5 = 78\text{g} - 25\text{g} = 53\text{g}$.

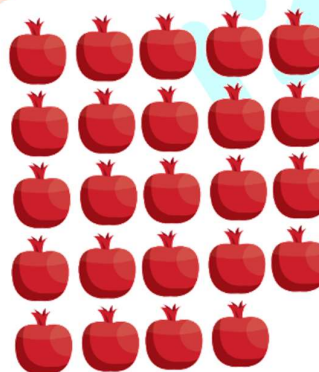
d) $52\text{cm} + 48\text{cm} = 100\text{cm} = 1\text{m}$.

Bài 2 (1,5 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$\frac{1}{3}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{8}$ số quả lựu là quả.

$\frac{1}{6}$ số quả lựu là quả.



Lời giải

Có 24 quả lựu.

+) Chia 24 quả lựu thành 3 phần bằng nhau. Mỗi phần có 8 quả lựu.

Vậy $\frac{1}{3}$ số quả lựu là 8 quả.

Tương tự ta có:

$\frac{1}{8}$ số quả lựu là 3 quả.

$\frac{1}{6}$ số quả lựu là 4 quả.

Bài 3 (2 điểm). Một tổ công nhân buổi sáng sửa được 96m đường, buổi chiều do trời nắng nên sửa được số mét đường giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi cả ngày tổ công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Lời giải

Buổi chiều tổ công nhân sửa được số mét đường là: $96 : 3 = 32$ (m).

Cả ngày tổ công nhân đó sửa được số mét đường là: $96 + 32 = 128$ (m).

Đáp số: 128m đường.

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm số lớn nhất có ba chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số đó là: **983**.

(Do số cần tìm là số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 20 nên chữ số hàng trăm là 9; chữ số hàng chục là 8.

Tổng của chữ số hàng trăm và chữ số hàng chục là: $9 + 8 = 17$.

Do đó chữ số hàng đơn vị là: $20 - 17 = 3$.

Vậy số cần tìm là: 983.)

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	653	D	C	D	B	a) S b) Đ c) Đ d) S	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $307 \times (42 - 39) + 79$

b) $450 : 5 + 123 \times 6$

c) $893 - 78 \times 8 + 801 : 9$

Lời giải

a) $307 \times (42 - 39) + 79 = 307 \times 3 + 79 = 921 + 79 = 1\ 000$

b) $450 : 5 + 123 \times 6 = 90 + 738 = 828$

c) $893 - 78 \times 8 + 801 : 9 = 893 - 624 + 89 = 269 + 89 = 358$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu ">, <, =" vào chỗ chấm:

a) $483\text{ ml} + 397\text{ ml} \dots\dots\dots 1\text{ l}$

b) $45\text{ mm} + 78\text{ cm} \dots\dots\dots 92\text{ cm} - 547\text{ mm}$

c) $42\text{ g} + 789\text{ g} - 34\text{ g} \dots\dots\dots 1\text{ kg} - 239\text{ g}$

Lời giải

a) $483\text{ ml} + 397\text{ ml} < 1\text{ l}$

b) $45\text{ mm} + 78\text{ cm} > 92\text{ cm} - 547\text{ mm}$

c) $42\text{ g} + 789\text{ g} - 34\text{ g} > 1\text{ kg} - 239\text{ g}$

Bài 3. (2 điểm) Một thư viện có 888 quyển sách, người ta mang đi quyên góp 360 quyển sách. Số sách còn lại được chia đều vào 8 kệ sách. Hỏi mỗi kệ sách có bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Số sách còn lại sau khi quyên góp là: $888 - 360 = 528$ (quyển sách)

Mỗi kệ sách có số quyển sách là: $528 : 8 = 66$ (quyển sách)

Đáp số: 66 quyển sách

Bài 4. (0,5 điểm) Một đoàn tàu có 4 toa với 4 màu khác nhau: Đỏ, Xanh, Trắng, Vàng. Toa tàu màu Xanh không phải toa đầu và cũng không phải toa cuối. Toa tàu màu Vàng không đứng cạnh toa màu Trắng và toa màu Đỏ. Toa tàu đầu tiên màu Trắng. Hãy tìm thứ tự các toa tàu.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Toa màu Trắng; Toa màu Đỏ; Toa màu Xanh; Toa màu Vàng.

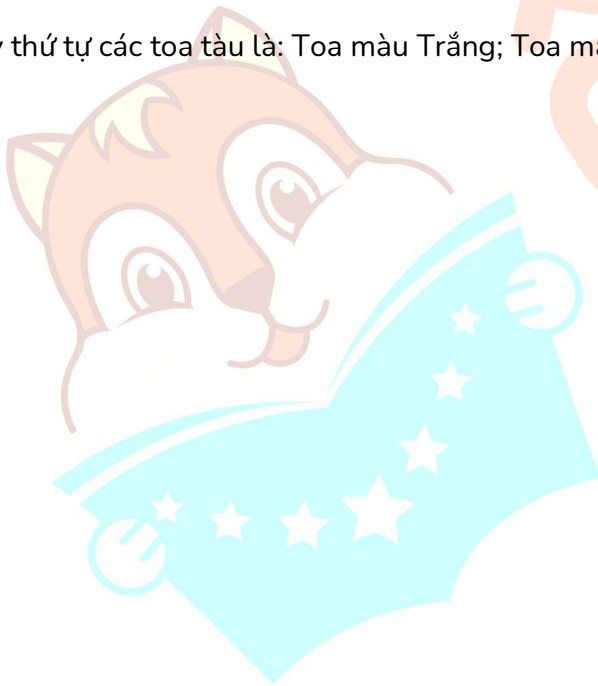
Toa màu Xanh không phải toa đầu và cũng không phải toa cuối nên toa màu Xanh ở vị trí thứ 2 hoặc thứ 3.

Toa đầu tiên là toa màu Trắng, do đó toa màu Vàng và toa màu Đỏ phải ở vị trí 2, 3, 4.

Nếu toa màu Xanh ở vị trí thứ 2 thì toa màu Vàng và toa màu Đỏ đứng cạnh nhau (không thỏa mãn).

Do đó toa màu Xanh ở vị trí thứ 3. Toa màu Vàng không đứng cạnh toa màu Trắng nên toa màu Vàng ở vị trí thứ 4, còn toa màu Đỏ ở vị trí thứ 2.

Vậy thứ tự các toa tàu là: Toa màu Trắng; Toa màu Đỏ; Toa màu Xanh; Toa màu Vàng.



ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	8	A	C	D	D	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a)



b)

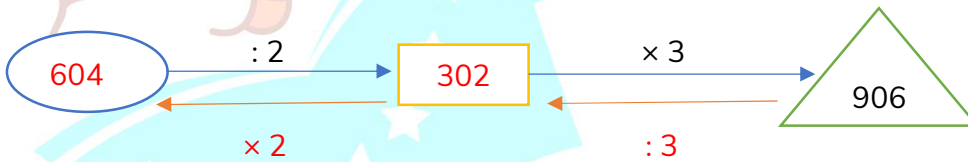


Lời giải

a)



b)



Bài 2 (1,5 điểm). Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) $\frac{1}{3}$ số quả na là quả. b) $\frac{1}{5}$ số quả na là quả.

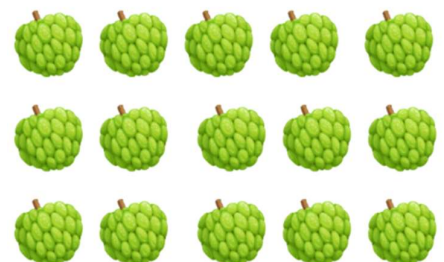
Lời giải

a) Có 15 quả na.

Chia 15 quả na thành 3 phần bằng nhau. Mỗi phần có 5 quả. Vậy

$\frac{1}{3}$ số quả na là 5 quả.

b) Tương tự ta có: $\frac{1}{5}$ số quả na là 3 quả.



Bài 3 (2 điểm). Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

- a) Chiếc xe đó cần vận chuyển bao nhiêu chuyến để chở hết 105 thùng hàng?
b) Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 100kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?



Lời giải

- a) Chiếc xe đó cần vận chuyển số chuyến là: $105 : 5 = 21$ (chuyến).
b) Mỗi chuyến xe đó vận chuyển được số ki-lô-gam hàng là: $100 \times 5 = 500$ (kg).

Đáp số: a) 21 chuyến; b) 500kg.

Bài 4 (0,5 điểm). Có 9 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 9. Bạn Sóc lấy ra 6 chiếc thẻ và thấy rằng tổng các số ghi trên 6 chiếc thẻ này bằng 22. Hỏi tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng bao nhiêu?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tích của 2 số lớn nhất ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy bằng **35**.

(Ta thấy tổng của 6 số nhỏ nhất là: $1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21$.

Để tổng của các số ghi trên 6 tấm thẻ này bằng 22 thì chỉ có duy nhất một trường hợp xảy ra đó là:

$$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 7 = 22.$$

Hay 6 tấm thẻ mà bạn Sóc lấy ra được đánh số lần lượt là: 1; 2; 3; 4; 5; 7.

Hai số lớn nhất được ghi trên các tấm thẻ đó là: 5 và 7.

Tích của hai số lớn nhất được ghi trên các thẻ bạn Sóc đã lấy ra là: $5 \times 7 = 35$.)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	655	D	B	A	Đ	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $235 + 128 - 90$

b) $200 + 15 \times 4 - 50$

c) $500 - 120 : 6$

d) $90 \times 4 - 200 + 50$

Lời giải

a) $235 + 128 - 90 = 363 - 90 = 273$

b) $200 + 15 \times 4 - 50 = 200 + 60 - 50 = 260 - 50 = 210$

c) $500 - 120 : 6 = 500 - 20 = 480$

d) $90 \times 4 - 200 + 50 = 360 - 200 + 50 = 160 + 50 = 210$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 48 kg gấp 6 kg số lần là: lần.

b) 540 g gấp 9 g số lần là: lần.

c) 72 ml gấp 8 ml số lần là: lần.

d) 250 mm gấp 5 mm số lần là: lần.

Lời giải

a) 48 kg gấp 6 kg số lần là: 8 lần.

b) 540 g gấp 9 g số lần là: 60 lần.

c) 72 ml gấp 8 ml số lần là: 9 lần.

d) 250 mm gấp 5 mm số lần là: 50 lần.

Bài 3. (2 điểm) Một cửa hàng bán được 20 cái quạt trong hai buổi. Buổi sáng bán được $\frac{1}{4}$ số quạt.

Hỏi số quạt buổi chiều bán được gấp mấy lần số quạt buổi sáng bán?

Lời giải

Số cái quạt buổi sáng bán được là:

$$20 : 4 = 5 \text{ (cái quạt)}$$

Buổi chiều bán được số cái quạt là:

$$20 - 5 = 15 \text{ (cái quạt)}$$

Số quạt buổi chiều bán được gấp số quạt buổi sáng bán được số lần là:

$$15 : 5 = 3 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 3 lần.

Bài 4. (0,5 điểm) Lan ra vườn hái 10 bông hoa gồm hoa hồng và hoa cúc. Biết số bông hoa hồng nhiều hơn số bông hoa cúc. Lan cắm vào lọ 5 bông hoa. Hỏi có thể nói chắc chắn rằng trong 5 bông hoa đó có ít nhất một bông hoa hồng hay không?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: **Có thể nói chắc chắn rằng trong 5 bông hoa đó có ít nhất một bông hoa hồng**

Vì số bông hoa hồng nhiều hơn số bông hoa cúc, và tổng số bông là 10 nên số bông hoa hồng ít nhất là 6 bông, số bông hoa cúc nhiều nhất là 4 bông.

Do đó khi cắm 5 bông hoa vào lọ, thì nhiều nhất trong số đó có 4 bông hoa cúc, còn lại chắc chắn phải có ít nhất 1 bông hoa hồng.

